

Bản án số: 733/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoa.

Bà Trương Thị Hồng Phương.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Giang - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1375/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967; địa chỉ: đường N, Khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1964; địa chỉ: đường N, Khu phố X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 28 quyển số: I/90 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23 tháng 4 năm 1990.

Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc trong những năm đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp về tính cách, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, không còn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn

nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Vợ chồng đã có thời gian để hàn gắn nhưng không được. Bà xác định hiện nay không còn tình cảm với ông H nữa. Nay nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Bà T xác nhận cả hai có 01 con chung tên là Nguyễn Tường V - sinh ngày 18/9/1990. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hòa hợp về tính cách, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Vợ chồng đã có thời gian để hàn gắn nhưng không được. Ông xác định hiện nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Ông nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm nên ông đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định.

Về con chung: Ông H xác nhận cả hai có 01 con chung tên là Nguyễn Tường V - sinh ngày 18/9/1990. Con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và bị đơn là ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H; về con chung: Bà T và ông H xác nhận cả hai có 01 con chung tên là Nguyễn Tường V - sinh ngày 18/9/1990. Con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 28 quyển số: I/90 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23 tháng 4 năm 1990 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là ông Nguyễn Văn H cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và bị đơn là ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 23 tháng 4 năm 1990 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do đó bà T yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nên bà T và ông H đã ly thân từ tháng 12/2013 đến nay. Cả hai đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông H là phù hợp theo quy định tại các điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ giấy khai sinh số 245 quyển số I/90 cấp ngày 20/11/1990 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang, xác định được: Cả hai có 01 con chung tên là Nguyễn Tường V - sinh ngày 18/9/1990. Xét thấy, con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T và ông H khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Bà T và ông H khai không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: 28 quyển số: I/90 của Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 23 tháng 4 năm 1990 hết hiệu lực).

- Về con chung: Cả hai có 01 con chung tên là Nguyễn Tường V - sinh ngày 18/9/1990. Con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà Nguyễn Thị T phải chịu, được trừ vào 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0046815 ngày 05/12/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.H;
- VKSND Khu vực 7-Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuyết Mai